**Thủ tục vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh *(Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh).***

**a) Trình tự thực hiện:**

**Bước 1.** Khách hàng:

- Lập Dự án vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (Mẫu số 2 ban hành kèm theo Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ) có xác nhận của UBND cấp xã;

- Nộp Dự án vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm và các giấy tờ khác trong Hồ sơ vay vốn cho Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) nơi thực hiện thủ tục.

**Bước 2.** NHCSXH nơi thực hiện thủ tục:

- Kiểm tra, đối chiếu tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ của đối tượng vay vốn, hồ sơ vay vốn, đồng thời lập Báo cáo thẩm định *(Mẫu số 05a/GQVL)* trình Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ tín dụng/Tổ trưởng Kế hoạch - Nghiệp vụ kiểm soát, sau đó trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt hồ sơ vay vốn;

 - Nếu không phê duyệt cho vay thì NHCSXH nơi thực hiện thủ tục thông báo từ chối cho vay *(Mẫu số 04a/GQVL)* ghi rõ lý do từ chối gửi đến khách hàng vay vốn;

- NHCSXH nơi thực hiện thủ tục cùng khách hàng vay vốn lập Hợp đồng tín dụng *(Mẫu số 07a/GQVL);* lập Hợp đồng bảo đảm tiền vay và thực hiện các biện pháp bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật và theo quy định của NHCSXH (nếu có).

**b) Cách thức thực hiện:** Khách hàng nộp hồ sơ vay vốn trực tiếp tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ: 02 bộ** *(01 bộ lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bộ lưu khách hàng sau khi được phê duyệt cho vay);*

- Dự án vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (*Mẫu số 2 ban hành kèm theo Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ)*: 02 bản chính;

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (*đối với Doanh nghiệp nhỏ và vừa)*; Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã *(đối với hợp tác x*ã*)*; Hợp đồng hợp tác *(đối với Tổ hợp tác)* Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh *(đối với Hộ kinh doanh)*: 02 bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc do cơ quan có thẩm quyền cấp;

*-* Văn bản ủy quyền của các thành viên ủy quyền cho người đại diện thực hiện các giao dịch liên quan đến vay vốn tại NHCSXH *(đối với Tổ hợp tác và Hộ kinh doanh có từ hai thành viên trở lên):* 02 bản chính hoặc bản saođược công chứng hoặc chứng thực của UBND cấp xã;

- Đốivới Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động là người khuyết tật: Quyết định về việc công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp: 02 bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc do cơ quan có thẩm quyền cấp;

- Đối với Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động là người dân tộc thiểu số:

+ Danh sách lao động là người dân tộc thiểu số: 02 bản chính;

***+ Chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc giấy khai sinh của người lao động theo danh sách: 02 bản sao/01 người lao động;***

***+ Giấy xác nhận thông tin về cư trú còn giá trị tại thời điểm nhận hồ sơ hoặc Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư của những người lao động trong danh sách (trong trường hợp Cơ sở sản xuất, kinh doanh nộp bản sao thẻ căn cước công dân của người lao động và NHCSXH chưa thể khai thác được thông tin khách hàng trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư): 02 bản sao/01 người lao động.***

+ Hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng của những người lao động trong danh sách: 02 bản sao;

- Đối với Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động là người khuyết tật và người dân tộc thiểu số:

+ Danh sách lao động là người khuyết tật và người dân tộc thiểu số: 02 bản chính;

+ Giấy xác nhận khuyết tật của người lao động là người khuyết tật do UBND cấp xã cấp: 02 bản sao/01 người lao động;

***+ Chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc giấy khai sinh của người lao động là người dân tộc thiểu số: 02 bản sao/01 người lao động;***

***+ Giấy xác nhận thông tin về cư trú còn giá trị tại thời điểm nhận hồ sơ hoặc Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư của những người lao động trong danh sách (trong trường hợp Cơ sở sản xuất, kinh doanh nộp bản sao thẻ căn cước công dân của người lao động và NHCSXH chưa thể khai thác được thông tin khách hàng trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư): 02 bản sao/01 người lao động.***

+ Hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng của những người lao động trong danh sách: 02 bản sao/01 người lao động;

- Giấy tờ chứng minh về tài sản bảo đảm tiền vay (nếu có): 01 bản chính*.*

**d) Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày NHCSXH nơi thực hiện thủ tục nhận được bộ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ từ người vay vốn (trường hợp cấp có thẩm quyền phê duyệt là Giám đốc NHCSXH nơi thực hiện thủ tục);

- Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày NHCSXH nơi thực hiện thủ tục nhận được bộ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ từ người vay vốn (trường hợp cấp có thẩm quyền phê duyệt là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi thực hiện dự án, Thủ tưởng cơ quan cấp tỉnh của tổ chức thực hiện chương trình).

**đ) Đối tượng thực hiện TTGQCV:** Cá nhân, Tổ chức.

**e) Cơ quan giải quyết TTGQCV:**

- NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục hoặc Cơ quan cấp tỉnh của tổ chức thực hiện chương trình hoặc UBND cấp huyện nơi thực hiện dự án;

- Cơ quan phối hợp: UBND cấp xã.

**g) Kết quả thực hiện TTGQCV:**

- Hợp đồng tín dụng *(Mẫu số 07a/GQVL)*;

- Hoặc Thông báo từ chối cho vay *(Mẫu số 04a/GQVL).*

**h) Phí, lệ phí:** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Dự án vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm *(Mẫu số 2).*

**k) Yêu cầu điều kiện thực hiện TTGQCV:**

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh được thành lập và hoạt động hợp pháp;

- Có dự án vay vốn khả thi tại địa phương, phù hợp với ngành, nghề sản xuất kinh doanh, duy trì hoặc thu hút thêm lao động vào làm việc ổn định;

- Dự án vay vốn có xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thực hiện dự án;

- Có bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật đối với dự án vay vốn từ 100 triệu đồng trở lên.

**l) Căn cứ pháp lý của TTGQCV:**

- Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013 của Quốc hội;

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

- Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

***- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;***

- Văn bản số 8055/NHCS-TDSV ngày 30/10/2019 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm;

***- Văn bản số 10575/NHCS-TDSV ngày 30/12/2022 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc sửa đổi, bổ sung văn bản số 8055/NHCS-TDSV.***

***(Ghi chú:*** *Phần chữ in* ***nghiêng, đậm*** *là nội dung sửa đổi, bổ sung)*